

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 16/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Thẩm phán: Ông Hà Quang Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Chính;

Bà Hoàng Thị Chinh;

Bà Hoàng Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Mai Duy Định - Kiểm sát viên.

Ngày 16/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2018/TLST-HS ngày 05/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 01/8/2018 đối với bị cáo:

Trần Văn P, sinh ngày 01/01/1962 tại tỉnh T; nơi đăng ký HKTT: phường Q, thành phố T, tỉnh T; chỗ ở hiện nay: K1, xã B, huyện N, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T (đã chết) và bà Phan Thị S; có vợ là Nguyễn Thị S (đã ly hôn), có 02 con; tiền án: Có một tiền án, ngày 14/8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 15 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, đến ngày 31/8/2015 được đặc xá trở về địa phương, hiện chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/11/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Luật sư chỉ định bào chữa cho bị cáo: Bà Trần Thị Kim L, Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Minh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị N, sinh năm 1963, trú tại: K1, xã B, huyện N, tỉnh B. Có mặt tại

phiên tòa;

2. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1968, trú tại: Thôn P, xã B, huyện N, tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa;

3. Anh Trần Xuân T, sinh năm 1989; trú tại: Tổ 12, phường Q, thành phố T, tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng*: Anh Nông Văn H, sinh năm 1990, trú tại: Thôn N, xã C, huyện N, tỉnh B. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 00 phút, ngày 04/11/2017 tại K2, xã B, huyện N, tỉnh B, Công an tỉnh B kiểm tra và bắt quả tang đối tượng Trần Văn P, sinh năm 1962, chỗ ở hiện nay: K1, xã B, huyện N, tỉnh B đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ một bánh hình hộp chữ nhật, có kích thước 15 cm x 10 cm x 02 cm được gói bằng nhiều lớp giấy màu nâu và nilon màu trắng trong suốt, bên ngoài bọc bằng một túi nilon màu đen; một mảnh giấy loại giấy lịch block, một mặt có in chữ và hoa văn, một mặt có các chữ số viết tay “016722360071 Nhình”; một túi nilon màu trắng trong suốt bên trong có chứa chè khô; một chiếc áo sơ mi dài tay tối màu có kẻ sọc và một chiếc áo khoác trẻ em màu hồng; một điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu đen và một điện thoại di động nhãn hiệu Oppo vỏ nhựa màu trắng, cả hai đều đã qua sử dụng; một xe mô tô Yamaha nhãn hiệu Jupiter màu đỏ, đen BKS 11B1-179.91 đã qua sử dụng; một chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn P; một quả dưa vỏ lưới và 05 quả xoài; số tiền 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*). Tạm giữ của Nông Văn H là phụ xe ô tô khách T BKS 97H-2629 một điện thoại di động Nokia 3310 vỏ nhựa màu đen đã qua sử dụng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Trần Văn P tại K1, xã B, huyện N, tỉnh B, kết quả thu giữ: Hai điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 vỏ nhựa màu đen; một cân điện tử nhãn hiệu Pocket Scale; một máy Ipad và một két sắt (Tất cả đều đã qua sử dụng).

Tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng vật chứng thu giữ, kết quả: Chất bột màu trắng dạng cục thu giữ của Trần Văn P có khối lượng là 356,792 gam (*Ba trăm năm mươi sáu phẩy bảy trăm chín mươi hai gam*).

Kết luận giám định: Mẫu chất màu trắng thu giữ của Trần Văn P gửi giám định là ma túy, loại Hêrôin, có khối lượng là 356,792 gam (*Ba trăm năm mươi sáu phẩy bảy trăm chín mươi hai gam*).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Trần Văn P khai nhận: Một bánh hình hộp chữ nhật bị tạm giữ khi bắt quả tang là Hêrôin, P mua của một người phụ nữ tên là C, nhà

ở thành phố T, tỉnh T với số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Tiến hành khám xét nơi ở của Hà Thị C, tại tổ 4, phường T, thành phố T, tỉnh T và nơi bán hàng của C tại Chợ T, Cơ quan điều tra tạm giữ thêm đồ vật, tài liệu gồm: Một quyển vở viết có bìa màu xanh nhạt và màu đỏ; một quyển sổ bìa màu trắng, đỏ và cam; một quyển sổ bìa được in nhiều hình ảnh khác nhau và một tờ giấy dạng vở viết học sinh.

Quá trình điều tra ban đầu Trần Văn P khai nhận: Trong khoảng thời gian tháng 9/2017, P một mình đi lên Thác B, tỉnh C chơi, thì gặp một người đàn ông khoảng 40 tuổi giới thiệu tên là P1, người Trung Quốc. P nói là nhà ở giáp ranh gần Cửa khẩu Tà Lùng, tỉnh Cao Bằng và hỏi P có biết chỗ nào bán Hêrôin thì mang lên Cửa khẩu Tà Lùng bán cho P1, mỗi bánh Hêrôin P1 sẽ mua với giá là 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*). P nhận lời, nhưng nói là không có tiền, P1 bảo nếu cần thì lên cửa khẩu Tà Lùng gặp P1 lấy tiền trước. Đến khoản cuối tháng 9/2017, trong một lần đi xe khách từ thành phố Thái Nguyên về xã Bằng Vân, huyện Ngân Sơn thì P gặp một người phụ nữ đi cùng xe tên là C. Trong lúc nói chuyện, thì C nói có quen biết bà Lâm Thị N (N, sinh năm 1963 là bạn gái và đang sinh sống cùng P tại K1, xã B, huyện N), C giới thiệu nhà ở thành phố T và đang bán quần áo tại Chợ T, thành phố T. P và C cho nhau số điện thoại. Sau đó, P thỉnh thoảng gọi điện thoại hỏi thăm và đặt vấn đề nhờ C tìm mua cho một bánh Hêrôin, khi nào tìm được thì P sẽ mang tiền xuống đưa cho C và được C đồng ý. Trước ngày bị bắt khoảng hai tuần, P đi một mình lên cửa khẩu Tà Lùng để tìm gặp P1 và P1 đưa cho P số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*), số tiền còn lại 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), P1 bảo khi nào P đưa Hêrôin lên thì sẽ trả nốt. Chiều ngày 01/11/2017, P mang theo số tiền 200.000.000 đồng và hẹn gặp C để đưa tiền mua ma túy. Sau đó, cả hai gặp nhau tại khu vực gần Chợ trung tâm thành phố T. Tại đây, C thông báo giá tiền một bánh Hêrôin là 200.000.000 đồng nên P đưa cho C số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) mang theo và yêu cầu C mua được Hêrôin thì mang lên xã B, huyện N cho P thì P sẽ trả tiền công và được C đồng ý. Đến chiều ngày 04/11/2017, C dùng số điện thoại 0961.276.786 gọi vào số 01672.360.071 của P và thông báo là: “*Chè và hoa quả gửi xe T, chiều anh ra nhận*”. Nhận điện thoại, P biết là C đã mua được Hêrôin và gửi theo xe ô tô khách nhà xe T, chạy tuyến C, N – T. Khoảng 17 giờ cùng ngày, P lấy xe mô tô Jupiter BKS 11B1-179.91 đi ra cách nhà khoảng 02 km để đón xe thì gặp xe ô tô khách T BKS 97H-2629 đi đến K2, xã B dừng lại trả hàng, P vượt lên trước đầu xe ô tô và dừng xe rồi đi bộ quay lại hỏi phụ xe để lấy túi đồ mà bà C gửi cho mình. Khi P vừa nhận túi nilon màu đen từ phụ xe Nông Văn H, thì bị Cơ quan điều tra phát hiện bắt quả tang, kiểm tra trong túi nilon mà P vừa nhận, có một bánh Hêrôin cùng một số đồ vật có liên quan.

Đến ngày 07/02/2018, Trần Văn P thay đổi lời khai đã trình bày trước đó và không thừa nhận việc quen biết với người đàn ông Trung Quốc tên là P1 và không có việc thỏa thuận mua bán Hêrôin giữa P với P1. Việc Phức nhờ Hà Thị C mua hộ một bánh Hêrôin mục đích chỉ để sử dụng cho bản thân, do P mắc nghiện ma túy. Đối với

số tiền 200.000.000 đồng dùng để mua Hêrôin là tiền của P do đi làm vàng có được và một phần là tiền do mẹ đẻ của P là bà Phan Thị S và các chị của P cho P để sửa chữa nhà, nhưng P chưa sửa và sử dụng số tiền đó để mua Hêrôin. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh những người có liên quan gồm: Bà Phan Thị S, là mẹ đẻ của P; ông Trần Văn Q và ông Trần Tuấn M, là anh trai của P. Bà S trình bày: Cuối năm 2015 có bán được 02 sào ruộng ở tổ 12, phường Q, thành phố T được số tiền hơn 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) và đưa cho P. Ông M và ông Q trình bày: Cuối năm 2015, các anh chị của P có cho P mỗi người một số tiền, nhưng không nhớ là cho bao nhiêu, mục đích bà S và các anh chị cho P tiền là để P sửa lại nhà, nhưng đến nay P chưa sửa và cũng không rõ P sử dụng số tiền đó vào việc gì. Công an xã B, huyện N xác nhận trong thời gian từ năm 2016 P đến nhà Lâm Thị N ở K1, xã B, huyện N sinh sống và mở quán bán cơm phở, nhưng không đăng ký kết hôn, không đăng ký tạm trú. P có biểu hiện nghiện ma túy, nhưng chưa phát hiện P có biểu hiện hoạt động mua bán trái phép chất ma túy. Trên cơ sở lời khai của P và kết quả điều tra, Cơ quan điều tra đã quyết định thay đổi từ tội danh mua bán sang tàng trữ trái phép chất ma túy với P.

Ngày 14/11/2017, Cơ quan điều tra đã thu giữ lịch sử chi tiết các cuộc liên lạc của hai số điện thoại mạng di động Viettel của Trần Văn P là 01672.360.071 và 01629.561.030 với hai số điện thoại mạng di động Viettel 0961.276.786 và 01627.810.388 mà P khai nhận là của Hà Thị C, được C sử dụng để liên lạc với P. Kết quả: Thông tin chi tiết các cuộc gọi đi, gọi đến và tin nhắn của các số điện thoại trên phù hợp với lời khai của P và các tài liệu điều tra đã thu thập được.

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại anh Nông Văn H một điện thoại di động Nokia 3310 đã qua sử dụng, trả lại bà Lâm Thị N một cân điện tử nhãn hiệu Pocket Scale; một máy Ipad và một két sắt, tất cả đều đã qua sử dụng.

Ngày 04/6/2018, anh Trần Xuân T là con trai của bị cáo đã nộp số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

Đối với Hà Thị C, tại thời điểm xác minh C không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra đã tiến hành khởi tố bị can và ra lệnh truy nã đối với C về hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vụ án được tách ra để xử lý khi bắt được bị can C.

Quá trình điều tra Trần Văn P thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS-P1 ngày 02/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Trần Văn P về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 4 Điều 249 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

*** Điều 249 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có nội dung:**

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân:

...

b) Hêrôin....có khối lượng từ 100 gam trở lên.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn Phúc phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; Xử phạt bị cáo Trần Văn P từ 15 đến 16 năm tù;

- Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 8 đến 10 triệu đồng;

- Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 356,63 gam Hêrôin; một túi chè khô; một áo sơ mi dài tay và một áo khoác trẻ em; 02 điện thoại Nokia 105 đã qua sử dụng; vỏ hộp và giấy gói ban đầu thu giữ của bị cáo; 02 sim điện thoại; một mảnh giấy có chữ và số *“01672360071 Nhình”*; ba quyển sổ và một tờ giấy thu giữ khi khám nhà Hà Thị C. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước một điện thoại di động Oppo màu trắng và một điện thoại di động Nokia màu đen cả hai đều đã qua sử dụng của bị cáo. Trả lại bị cáo một chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn P. Trả lại bà Hoàng Thị M một xe mô tô Jupiter có BKS 11B1-179.91 kèm theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô. Tạm giữ số tiền 4.800.000 đồng của bị cáo cùng số tiền 2.000.000 đồng của Trần Xuân T nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan. Bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày luận cứ bào chữa, xác định: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tại phiên tòa ngày hôm nay, đã làm rõ việc bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền

2.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B để đảm bảo thi hành án, thể hiện thái độ ăn năn hối cải của bị cáo; bị cáo có hai anh trai ruột tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng Huân chương, trong đó một người là liệt sỹ, có bố mẹ được tặng Bằng vàng danh dự và Bằng gia đình vẻ vang. Do vậy, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 để quyết định hình phạt ở mức thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên là 15 năm tù đối với bị cáo P. Đối với hình phạt bổ sung, đề nghị phạt tiền bị cáo ở mức có khả năng thi hành được

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn P thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo là có căn cứ, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật đã thu giữ, kết quả giám định, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Hồi 18 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 11 năm 2017 tại K2, xã B, huyện N, tỉnh B, bị cáo Trần Văn P đã có hành vi tàng trữ trái phép 356,792 gam (*Ba trăm năm mươi sáu phẩy bảy trăm chín mươi hai gam*) Hêrôin.

Đối với lời khai ban đầu, Trần Văn P khai mua số Hêrôin trên để bán lại cho người khác để kiếm lời. Nhưng đến ngày 07/02/2018, Phúc thay đổi và không thừa nhận lời khai này, P khai nhận nhờ Hà Thị C mua hộ một bánh Hêrôin mục đích chỉ để sử dụng cho bản thân, do P mắc nghiện ma túy. Nguồn gốc số tiền 200.000.000 đồng dùng để mua Hêrôin đã được Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh và xác định là có căn cứ. Công an xã B, huyện N xác nhận P có biểu hiện nghiện chất ma túy, nhưng chưa phát hiện P có biểu hiện hoạt động mua bán trái phép chất ma túy. Việc mua bán, thỏa thuận và trao đổi giữa P với P1 và C không có người thứ ba biết và chứng kiến. Do vậy, trên cơ sở lời khai của P và kết quả điều tra, Cơ quan điều tra đã quyết định thay đổi từ tội danh mua bán sang tàng trữ trái phép chất ma túy với P là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật, biết rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, song đề phục vụ nhu

cầu của bản thân, bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 194 BLHS 1999.

***Điều 194 BLHS 1999 có nội dung:**

“1. Người nào tàng trữ,..... trái phép chất ma túy thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

....

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

a);

b) Hêrôin hoặc côcain có trọng lượng từ một trăm gam trở lên;

....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.....”.

Tuy nhiên, đối chiếu với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 BLHS năm 2015 thì quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 BLHS năm 2015 là nhẹ hơn và đây là quy định có lợi cho người phạm tội. Do vậy, cần áp dụng Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015 để xét xử bị cáo theo điểm b khoản 4 Điều 249 BLHS năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo về tội danh, điểm, khoản và điều luật như trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo xâm phạm chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự an ninh tại địa phương, làm gia tăng các tệ nạn xã hội. Do đó, cần buộc bị cáo phải chịu một hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu, là người nghiện ma túy, bị cáo có một tiền án, năm 2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 15 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, đến ngày 31/8/2015 bị cáo được đặc xá trở về địa phương, đến nay chưa được xóa án tích. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999. Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS 1999. Ngoài ra, bị cáo có hai anh trai ruột tham gia kháng chiến chống Mỹ được tặng thưởng Huân chương, trong đó một người là liệt sỹ, bố mẹ được tặng Bằng vàng danh dự và Bằng gia đình vẻ vang. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 2.000.000

đồng (*Hai triệu đồng*) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B để đảm bảo thi hành án. Do vậy, còn được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

[4] Hình phạt bổ sung: Do Trần Văn P có tài sản là số tiền bị Cơ quan Công an thu giữ khi bắt phạm tội quả tang và số tiền con trai của bị cáo tự nguyện nộp để đảm bảo thi hành án cho bị cáo. Do vậy, ngoài hình phạt chính, cần buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là “phạt tiền”.

[5] Về xử lý vật chứng: Tại giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản cho anh Nông Văn H và bà Hoàng Thị M là chủ sở hữu vì không liên quan đến vụ án; tiêu hủy các quả tươi thu giữ khi bắt quả tang Trần Văn P là có căn cứ.

- Đối với 356,63 gam Hêrôin hoàn trả sau giám định; một túi chè khô; một áo sơ mi dài tay và một áo khoác trẻ em; vỏ hộp và giấy gói ban đầu; 02 điện thoại Nokia 105 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo; 02 sim kèm theo điện thoại di động Oppo màu trắng và một điện thoại di động Nokia màu đen là vật cấm lưu hành hoặc không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Một điện thoại di động Oppo màu trắng và một điện thoại di động Nokia màu đen đều đã qua sử dụng của bị cáo, được sử dụng để liên lạc mua trái phép chất ma túy. Do vậy, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Một mảnh giấy có chữ và số “01672360071 *Nhìn*” thu giữ khi bắt quả tang bị cáo; ba quyển sổ và một tờ giấy thu giữ khi khám nhà Hà Thị C là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của C. Do vậy, cần chuyển theo hồ sơ vụ án.

- Số tiền 4.800.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) của bị cáo và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) của Trần Xuân T là con trai của bị cáo tự nguyện nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn, cần tạm giữ để thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo một Chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn P.

- Một xe mô tô có BKS 11B1-179.91 kèm theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô và chìa khóa thuộc quyền sở hữu của bà Hoàng Thị M. Bà M cho bà Lâm Thị N mượn, khi bị cáo sử dụng xe mô tô trên thực hiện hành vi phạm tội, bà M và bà N không biết. Do vậy, cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho chủ sở hữu hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với Nông Văn H và Hoàng Thị M do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên các Cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét trách nhiệm hình sự là có căn cứ. Đối với Hà Thị C, Cơ quan điều tra đã tiến hành khởi tố bị can và ra lệnh truy nã đối với C về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, vụ án được tách ra để xử lý khi bắt được bị can C là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; khoản 3 Điều 7, điểm b khoản 4 Điều 249 BLHS 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội:

Xử phạt bị cáo Trần Văn P 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/11/2017.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Trần Văn P 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 41 Bộ luật Hình sự 1999.

- Tịch thu tiêu hủy 356,63 gam Hêrôin trong hộp niêm phong ký hiệu T134; một túi chè khô trong hộp niêm phong ký hiệu C1; một áo sơ mi dài tay và một áo khoác trẻ em trong hộp niêm phong ký hiệu C2; vỏ hộp và giấy gói ban đầu thu giữ của bị cáo trong hộp niêm phong ký hiệu P5; hai điện thoại Nokia 105 đã qua sử dụng; 02 sim kèm theo điện thoại di động Oppo màu trắng và một điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước một điện thoại di động Oppo màu trắng và một điện thoại di động Nokia màu đen của bị cáo, cả hai đều đã qua sử dụng.

- Chuyển theo hồ sơ vụ án một mảnh giấy có chữ và số “01672360071 Nhình”; ba quyển sổ và một tờ giấy thu giữ khi khám nhà Hà Thị C.

- Tạm giữ số tiền 4.800.000 đồng (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng) của bị cáo, cùng số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) của Trần Xuân T là con trai của bị cáo nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh B theo biên lai thu tiền số 01906, ngày 04 tháng 06 năm 2018 để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo một chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn P.

- Trả lại cho bà Hoàng Thị M một xe mô tô Jupiter có BKS 11B1-179.91 kèm theo Chứng nhận đăng ký xe mô tô và chìa khóa xe.

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa Công an tỉnh B và Cục thi hành án dân sự tỉnh B).

3. Án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn P phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- VKSND Cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh;
- Trại tạm giam;
- PC 47 - CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Bị cáo (Qua trại);
- Người có QL, NVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu HS;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Khánh Phương